

Bản án số: 65/2018/HS-ST
Ngày 08-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Hợp.

Bà Phùng Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 61/2018/TLST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Triệu Thị A (tên gọi khác: Triệu Thị A1), sinh ngày 06 tháng 5 năm 1956 tại xã T, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn M; con bà: Nông Thị S (tên gọi khác: Nông Thị S1); chồng: Lăng Văn C; con: Có 05 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng Thị B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1975 tại xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn H; con bà: Bé Thị U; chồng: Hoàng Văn N; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Hoàng Thị C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1968 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn I; con bà: Trương Thị M; chồng: Hoàng Văn X; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Triệu Thị D, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1961 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn N; con bà: Nông Thị T; chồng: Nông Văn Q; con: Có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Lãng Thị E, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1961 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lãng Phúc H; con bà: Nông Thị Q; chồng: Nông Văn T; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Vi Thị F, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1960 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn H; con bà: Vi Thị L; chồng: Hoàng Văn X; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Hoàng Thị G, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1961 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn U; con bà: Lương Thị J; chồng: Nông Văn Q; con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Hoàng Thị Thanh M, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1997 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T; con bà: Triệu Thị H; chồng: Nguyễn Văn N; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày

03/4/2018 đến ngày 12/4/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Nguyễn Văn K, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1985 tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Y; con bà: Thi Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 31/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng xử phạt 07 năm tù về tội ”Mua bán trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 05/4/2018 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Triệu Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Chị Hoàng Thị N; ông Nông Văn J (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại nhà ông Triệu Văn P ở thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Công an huyện Chi Lăng bắt quả tang một nhóm đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức ba cây sát phạt nhau bằng tiền gồm: Triệu Thị A, Triệu Thị D, Lãng Thị E, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M. Thu giữ tại chiếu bạc 5.705.000đ; thu giữ trên người các đối tượng: Triệu Thị A 5.000đ; Hoàng Thị C 45.000đ; Lãng Thị E 27.000đ; Hoàng Thị G 300.000đ; Hoàng Thị Thanh M 980.000đ và các vật dụng phục vụ đánh bạc gồm: 01 bộ tứ lơ khơ; 01 chiếu nhựa hoa văn màu vàng - xanh. Khi bắt quả tang Nguyễn Văn K đã bỏ chạy, đến ngày 05 tháng 4 năm 2018 đã đến Công an huyện Chi Lăng đầu thú về hành vi đánh bạc và giao nộp số tiền 200.000đ là tiền sử dụng vào việc đánh bạc mà K cầm theo người khi bỏ chạy.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 03 tháng 4 năm 2018, Triệu Thị A, Lãng Thị E, Triệu Thị D, Vi Thị F, Hoàng Thị G và Hoàng Thị B đến nhà ông Triệu Văn P để hỏi việc chuẩn bị phương tiện đi ăn cưới, nhưng nhà ông P không có ai ở nhà. Cả nhóm đã rủ nhau vào trong gian bếp của gia đình ông P, lấy bộ tứ lơ khơ của cháu Hoàng Đình S (02 tuổi), là cháu nội của Hoàng Thị G cầm theo khi G bế cháu đến nhà ông P, rồi cùng nhau ngồi vào chiếc chiếu của gia đình ông P để đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây. Khoảng 16 giờ cùng ngày có thêm Nguyễn Văn K, Hoàng Thị Thanh M đến cùng tham gia đánh bạc. Khi đánh bạc: Triệu Thị A có 170.000đ, khi bị bắt còn 5.000đ; Lãng Thị E có 300.000đ, khi bị bắt còn 27.000đ; Triệu Thị D có hơn 400.000đ, khi bị bắt còn 300.000đ, vớt lại tại chiếu bạc; Vi Thị F có 120.000đ, đã thua hết; Hoàng Thị C có 600.000đ, khi bị bắt còn 45.000đ; Hoàng Thị B có 300.000đ, để ở chiếu bạc; Hoàng Thị G có 400.000đ, khi bị bắt còn 300.000đ;

Hoàng Thị Thanh M có 700.000đ, khi bị bắt có 980.000đ; Nguyễn Văn K có 400.000đ, khi bỏ chạy cầm theo 200.000đ. Xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.262.000đ (bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Hình thức đánh bạc như sau: Sử dụng một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, khi bắt đầu chơi, mỗi người chơi đặt cửa mỗi ván từ 5.000đ trở lên và đặt vào giữa 10.000đ gọi là tiền gà, sau đó bỏ các lá bài có số tự nhiên là 10 và J, Q, K trong bộ bài ra, lấy các lá bài còn lại từ A (át) và lá bài có số tự nhiên từ 2 đến 9, một người cầm chương tráo bài đều rồi chia cho mỗi người 03 lá để cộng điểm, trong đó quy định lá bài A (át) được tính bằng 1 điểm, các lá bài từ 2 đến 9 được tính điểm bằng chính số tự nhiên in trên lá bài. Sau khi cộng điểm của 3 lá bài với nhau, lấy hàng chục làm tròn số và điểm tối đa cao nhất là 10 theo quy định, ví dụ 3 lá bài được chia gồm: A, 2, 7 thì số điểm là $A + 2 + 7 = 10$ điểm; 3, 8, 9 thì số điểm là $3 + 8 + 9 = 20$ điểm (trường hợp này được tính là 10 điểm); 2, 4, 5 thì số điểm là $2 + 4 + 5 = 11$ điểm (do chỉ tính tối đa đến 10 nên trường hợp này là 1 điểm); 9, 9, 9 thì số điểm là $9 + 9 + 9 = 27$ điểm (trường hợp này sẽ là 7 điểm); A, A, A thì số điểm là $1 + 1 + 1 = 3$ điểm (trường hợp này do lá bài A chỉ được tính 1 điểm)..., sau đó so sánh điểm với nhau, nếu người cầm chương thấp điểm nhất thì sẽ phải trả số tiền tương ứng cho những người đặt cửa hoặc nếu người cầm chương cao điểm nhất thì sẽ được lấy toàn bộ số tiền của những người khác đặt cửa, sau mỗi ván nếu những người đặt cửa có người thắng với số điểm là 10 thì người cầm chương sẽ chuyển cho người đó cầm chương và chia bài đánh ván tiếp theo. Khi so sánh, tính điểm, trường hợp: Nếu nhiều người cùng có số điểm bằng nhau và đều có lá bài (rô) thì được quy định lá bài A (át) rô là lớn nhất, lá bài 2 rô là nhỏ nhất trong số các lá bài từ 9 rô trở xuống đến 2 rô. Trường hợp trên, người có lá bài lớn sẽ thắng người có lá bài nhỏ hơn và người chỉ có các lá bài cơ, bích, nhép đồng thời sẽ được lấy toàn bộ số tiền của những người đặt góp vào gà.

Nhiều người cùng có số điểm bằng nhau và đều có lá bài (cơ) thì được quy định lá bài 9 cơ là lớn nhất, lá bài A (át) cơ là nhỏ nhất trong số các lá bài từ 8 cơ trở xuống đến 2 và A (át). Trường hợp trên, người có lá bài lớn sẽ thắng người có lá bài nhỏ hơn và người chỉ có các lá bài bích, nhép.

Nhiều người cùng có số điểm bằng nhau và đều có lá bài (bích) thì được quy định lá bài 9 bích là lớn nhất, lá bài A (át) bích là nhỏ nhất trong số các lá bài từ 8 bích trở xuống đến 2 và A (át). Trường hợp trên, người có lá bài lớn sẽ thắng người có lá bài nhỏ hơn và người chỉ có các lá bài nhép.

Nhiều người cùng có số điểm bằng nhau và đều có lá bài (nhép) thì được quy định lá bài 9 nhép là lớn nhất, lá bài A (át) nhép là nhỏ nhất trong số các lá bài từ 8 nhép trở xuống đến 2 và A (át). Trường hợp trên, người có lá bài lớn sẽ thắng người có lá bài nhỏ hơn và thua người có lá bài rô, cơ, bích bất kỳ. Quá trình đánh bạc các đối tượng không bị thu tiền hồ hay bất cứ khoản tiền nào khác.

Cáo trạng số: 64/CT-VKSCL, ngày 01/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị

Thanh M và Nguyễn Văn K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận: Thời gian, địa điểm, cách thức đánh bạc, số tiền sử dụng để đánh bạc và số lượng đối tượng tham gia đánh như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc là tự phát, không có người tổ chức; tham gia đánh bạc từ đầu gồm có: Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lãng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G; các bị cáo Hoàng Thị Thanh M, Nguyễn Văn K thực hiện hành vi sau nhưng cũng tham gia đánh bạc đến khi bị bắt. Việc các bị cáo đánh bạc tại bếp nhà ông Triệu Văn P, ông P và gia đình không biết, không được hưởng lợi gì. Ngoài số tiền sử dụng để đánh bạc và các vật chứng như đã nêu ở phần trên thì các bị cáo không bị thu giữ gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn P khai: Các bị cáo đánh bạc tại bếp nhà ông khi ông vắng nhà là đúng, ông hoàn toàn không biết các bị cáo đánh bạc, cũng không được hưởng lợi gì. Đối với chiếc chiếu các bị cáo sử dụng để đánh bạc là của gia đình ông nhưng không còn giá trị sử dụng nên ông yêu cầu tiêu hủy.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Triệu Thị A (tên gọi khác: Triệu Thị A1), Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Lãng Thị E, Vi Thị F; Triệu Thị D, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M, Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với các bị cáo Triệu Thị A; Hoàng Thị B; Hoàng Thị C; Lãng Thị E; Vi Thị F, xử phạt các bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 02/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với các bị cáo Triệu Thị D, Hoàng Thị G, Nguyễn Thị Thanh M, xử phạt các bị cáo từ 07 tháng đến 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 26 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 07 tháng đến 13 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Đề nghị tịch thu và sung

quỹ Nhà nước 7.262.000đ (bảy triệu hai trăm sáu hai nghìn đồng); tịch thu và tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 chiếc.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M và Nguyễn Văn K đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể: Hồi 17 giờ ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại nhà ông Triệu Văn P ở thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo: Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M và Nguyễn Văn K đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây, sát phạt nhau bằng tiền thì bị Công an huyện Chi Lăng bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.262.000đ (bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M và Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Cáo trạng số: 64/CT-VKS, ngày 01/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M và Nguyễn Văn K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đang là một trong những tệ nạn xã hội nhức nhối, phức tạp, bị xã hội lên án, cần phải bài trừ, đó cũng là một trong nguyên nhân dẫn đến các tội phạm và tệ nạn xã hội khác phát sinh. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu sát phạt lẫn nhau bằng tiền và hơn hết là vì mục đích hám lợi nên các bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm trong trường hợp giản đơn, không có người chủ mưu, không có người đứng ra tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo, tuy các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lãng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G tham gia đánh bạc trước các bị cáo Hoàng Thị Thanh M; Nguyễn Văn K nhưng xét tính chất, mức độ hành vi thì các bị cáo có vai trò như nhau nên phải chịu trách nhiệm như nhau. Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

[6] Nhân thân: Các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lãng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M có nhân thân tốt, chưa có 01 tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn K có nhân thân xấu vì đã có tiền án chưa được xoá án tích, năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo K đã chấp hành xong hình phạt của bản án vào ngày 12/9/2017, đến ngày 03/4/2018 bị cáo K phạm tội mới.

[7] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lãng Thị E, Vi Thị F, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn K có một tiền án chưa được xoá án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này là tái phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lãng Thị E, Vi Thị F; Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú với cơ quan Công an về hành vi phạm tội của bản thân nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Triệu Thị A có mẹ đẻ là bà Lãng Thị S1; bị cáo Lãng Thị E có bố đẻ là ông Lãng Phúc H đều được Chủ Tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen; bị cáo Hoàng Thị B, có bố đẻ là ông Hoàng Quốc H; bị cáo Hoàng Thị C có bố đẻ là ông Hoàng Văn I; bị cáo Vi Thị F có bố đẻ là ông Vi Văn H đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Xét thấy các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lãng Thị E, Vi Thị F; Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M tuy thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc phòng chống tội phạm của địa phương nên không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội. Bị cáo Nguyễn Văn K có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án chưa được

xoá án tích, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F; Hoàng Thị G, thuộc diện hộ cận nghèo, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, là người dân tộc thiểu số; bị cáo Hoàng Thị Thanh M; Nguyễn Văn K sống phụ thuộc gia đình không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng: Đối với số tiền 7.262.000đ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 54 quân bài, 01 chiếu nhựa là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[12] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, về hình phạt đối với các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F; Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M, Nguyễn Văn K và đề nghị về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với các quy định.

[13] Về án phí: Các bị cáo Triệu Thị A, Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Triệu Thị D, Lăng Thị E, Vi Thị F; Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M, Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với các bị cáo Triệu Thị A (tên gọi khác: Triệu Thị A1); Hoàng Thị B; Hoàng Thị C; Lăng Thị E; Vi Thị F.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Triệu Thị D, Hoàng Thị G, Nguyễn Thị Thanh M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Triệu Thị A (tên gọi khác: Triệu Thị A1), Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Lăng Thị E, Vi Thị F; Triệu Thị D, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M, Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị A (tên gọi khác: Triệu Thị A1) 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị B 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị C 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị D 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Lãng Thị E 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Vi Thị F 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh

Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị G 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thanh M 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05 tháng 4 năm 2018.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 7.262.000đ (bảy triệu hai trăm sáu hai nghìn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 54 quân, 01 chiếc nhựa hoa văn màu vàng - xanh kích thước 1,45 x 1,90 m.

(theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng lập ngày 02/7/2018 và theo ủy nhiệm chi ngày 03/7/2018).

Án phí: Các bị cáo Triệu Thị A (tên gọi khác: Triệu Thị A1), Hoàng Thị B, Hoàng Thị C, Lãng Thị E, Vi Thị F; Triệu Thị D, Hoàng Thị G, Hoàng Thị Thanh M, Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự để sung công quỹ Nhà nước.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Chi Lăng;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Chi Lăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THAHS Công an H.Chí Lăng;
- Nhà tạm giữ Công an H. Chí Lăng;
- Chỉ cục thi hành án H.Chí Lăng;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang